

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC  
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Hải Dương, 2016**

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Quản trị kinh doanh  
Ngành đào tạo : Quản trị kinh doanh  
(Business Administration)  
Mã ngành : 52340101  
Trình độ đào tạo : Đại học  
Loại hình đào tạo : Chính quy

*(Ban hành theo Quyết định số 452/QĐ-ĐHSD, ngày 19 tháng 8 năm 2016  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)*

### 1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

#### 1.1. Mục tiêu chung

**1.1.1.** Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh góp phần nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học và công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế.

**1.1.2.** Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ Nhân dân.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Kiến thức

##### 1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội – nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về toán học, ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

##### 1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về kinh tế học, thống kê và marketing.

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên ngành như: Quản trị chiến lược, quản trị chất lượng, quản trị nhân lực, quản trị thương hiệu,... để quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

### **1.2.2. Kỹ năng**

1.2.2.1. Có kỹ năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các tổ chức kinh tế.

1.2.2.2. Có kỹ năng khai thác mạng internet, phần mềm tin học và sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

1.2.2.3. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp; đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh.

1.2.2.4. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.

### **1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

## **2. CHUẨN ĐẦU RA**

### **2.1. Kiến thức**

2.1.1. Hiểu được những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 03 năm 2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.

2.1.3. Vận dụng được kiến thức về toán học và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.4. Phân tích được quan hệ cung cầu trên thị trường, chỉ tiêu kinh tế vĩ mô và chính sách marketing.

2.1.5. Phân tích được chiến lược kinh doanh, hoạch định nguồn nhân lực, quá trình xây dựng và phát triển thương hiệu.

2.1.6. Vận dụng được các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát để quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tại các tổ chức kinh tế.

### **2.2. Kỹ năng**

2.2.1. Giải quyết được các vấn đề về hoạch định chính sách, phát triển nguồn nhân lực, quản trị chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu phù hợp với mục tiêu, sứ mệnh của tổ chức kinh tế.

2.2.2. Ra quyết định độc lập, sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên phân tích, đánh giá các chính sách quản lý và điều hành tổ chức kinh tế.

2.2.3. Xây dựng và tổ chức triển khai được phương án, dự án sản xuất kinh doanh.

2.2.4. Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho bản thân và cho người khác.

2.2.5. Vận dụng được kiến thức chuyên môn để phản biện và đưa ra các giải pháp thay thế trong quản trị kinh doanh.

2.2.6. Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.

2.2.7. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp chuyên môn tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực quản trị kinh doanh.

2.2.8. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh đạt bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

### **2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm**

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

2.3.3. Tự định hướng, đưa ra kết luận và bảo vệ quan điểm cá nhân trong lĩnh vực quản trị kinh doanh

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động sản xuất liên quan đến quản trị kinh doanh.

### **3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm**

**4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:** 146 tín chỉ (Không bao gồm các học phần: Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất)

**5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH:** Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

### **6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP**

Thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành tại Quyết định số 43/2007/QĐ-GDDT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Sao Đỏ năm 2016.

**7. THANG ĐIỂM:** Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

### **8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>8.1</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG</b>	<b>59</b>	<b>45</b>	<b>14</b>
<b>8.1.1</b>		<b>Lý luận Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	<b>10</b>	<b>10</b>	<b>0</b>
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	5	5	0
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	3	3	0

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
<b>8.1.2</b>		<b>Khoa học xã hội - nhân văn</b>	<b>8</b>	<b>8</b>	<b>0</b>
4.	KHXXH 101	Tâm lý học đại cương	2	2	0
5.	KHXXH 102	Pháp luật đại cương	2	2	0
6.	KHXXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	0
7.	QTRI 112	Khởi nghiệp kinh doanh	2	2	0
<b>8.1.3</b>		<b>Ngoại ngữ</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
<b>8.1.3.1</b>		<b>Ngôn ngữ Anh</b>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>0</b>
8.	TANH 101	Tiếng Anh cơ bản 1	4	4	0
9.	TANH 102	Tiếng Anh cơ bản 2	4	4	0
10.	TANH 421	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	3	3	0
<b>8.1.4</b>		<b>Toán học - Tin học</b>	<b>11</b>	<b>10</b>	<b>1</b>
11.	TOAN 181	Toán ứng dụng c1	3	3	0
12.	TOAN 182	Toán ứng dụng c 2	3	3	0
13.	TOAN 241	Xác suất và thống kê	3	3	0
14.	TIN 101	Tin học đại cương	2	1	1
<b>8.1.5</b>		<b>Giáo dục thể chất</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>3</b>
15.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	1	0	1
16.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	1	0	1
17.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	1	0	1
<b>8.1.6</b>		<b>Giáo dục quốc phòng và an ninh</b>			
18.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	<b>165h (4TC)</b>		
<b>8.1.7</b>		<b>Kỹ năng mềm</b>	<b>12</b>	<b>6</b>	<b>6</b>
		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	12	6	6
19.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	4	2	2
20.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	4	2	2
21.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	4	2	2
		<b>PHẦN TỰ CHỌN</b>			
		<b>TỰ CHỌN TÙY Ý</b>			
22.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	4	2	2
<b>8.2</b>		<b>KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP</b>	<b>94</b>	<b>64</b>	<b>30</b>
<b>8.2.1</b>		<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>22</b>	<b>17</b>	<b>5</b>
23.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1	3	2	1
24.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô	3	2	1
25.	KHXXH 211	Luật kinh tế	2	2	0
26.	TKE 213	Lý thuyết thống kê	3	2	1
27.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính	3	3	0
28.	KTE 215	Kinh tế lượng	3	2	1

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
29.	MKT 111	Marketing căn bản	3	3	0
30.	TIN 102	Tin văn phòng	2	1	1
<b>8.2.2</b>		<b>Kiến thức ngành</b>	<b>21</b>	<b>18</b>	<b>3</b>
		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>15</b>	<b>14</b>	<b>1</b>
31.	TCHINH 353	Bảo hiểm	2	2	0
32.	KHXXH 292	Giao tiếp trong kinh doanh	3	3	0
33.	QTRI 212	Thương mại điện tử căn bản	2	2	0
34.	QTRI 244	Quản trị học	3	3	0
35.	KTOAN 214	Nguyên lý kế toán	3	2	1
36.	QTRI 376	Quản trị tài chính doanh nghiệp	2	2	0
		<b>PHẦN TỰ CHỌN</b>			
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 1 (chọn 2 trong 3 học phần sau)</i>	<b>6</b>	<b>4</b>	<b>2</b>
37.	TCHINH 431	Lập và phân tích dự án đầu tư	3	2	1
38.	KTE 241	Phân tích hoạt động kinh tế	3	2	1
39.	KTOAN 221	Kế toán tài chính	3	2	1
<b>8.2.3</b>		<b>Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>34</b>	<b>29</b>	<b>5</b>
		<b>PHẦN BẮT BUỘC</b>	<b>30</b>	<b>25</b>	<b>5</b>
40.	QTRI 452	Quản trị chất lượng	3	2	1
41.	QTRI 321	Quản trị Marketing	3	2	1
42.	QTRI 365	Quản trị nhân lực	2	2	0
43.	QTRI 344	Quản trị kinh doanh tổng hợp 1	3	2	1
44.	QTRI 441	Quản trị kinh doanh tổng hợp 2	3	3	0
45.	KTE 324	Chiến lược kinh doanh	4	3	1
46.	QTRI 332	Quản trị sản xuất 1	3	2	1
47.	QTRI 333	Quản trị sản xuất 2	3	3	0
48.	QTRI 346	Quản trị bán hàng	3	3	0
49.	QTRI 367	Quản trị thương hiệu	3	3	0
		<b>PHẦN TỰ CHỌN</b>			
		<i>TỰ CHỌN CÓ HƯỚNG DẪN 2 (Chọn 2 trong 3 phần sau)</i>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>
50.	TCHINH 322	Thị trường chứng khoán	2	2	0
51.	KTE 344	Kinh tế môi trường	2	2	0
52.	QTKD 031	Tính chi phí kinh doanh	2	2	0
		<b>TỰ CHỌN TÙY Ý</b>			
53.	KHXXH 323	Soạn thảo văn bản trong kinh doanh	2	1	1
54.	KTE 321	Thống kê doanh nghiệp	3	2	1
55.	QTRI 447	Đề án Quản trị sản xuất	2	0	2
56.	QTRI 462	Đề án Quản trị kinh doanh tổng hợp	2	0	2

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
57.	QTRI426	Thực tập chuyên đề	3	0	3
<b>8.2.4</b>		<b>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</b>	<b>17</b>	<b>0</b>	<b>17</b>
58.	QTRI 424	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	7	0	7
59.	QTRI 495	Khóa luận tốt nghiệp/Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp	10	0	10
60.	QTRI 283	<i>Thương mại quốc tế</i>	3	2	1
61.	QTRI 211	<i>Quản trị văn phòng</i>	3	2	1
62.	KHXXH 322	<i>Văn hoá kinh doanh</i>	2	1	1
63.	TCHINH 341	<i>Thuế</i>	2	1	1
		<b>Tổng (tín chỉ)</b>	<b>153</b>	<b>109</b>	<b>44</b>

## 9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN – CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

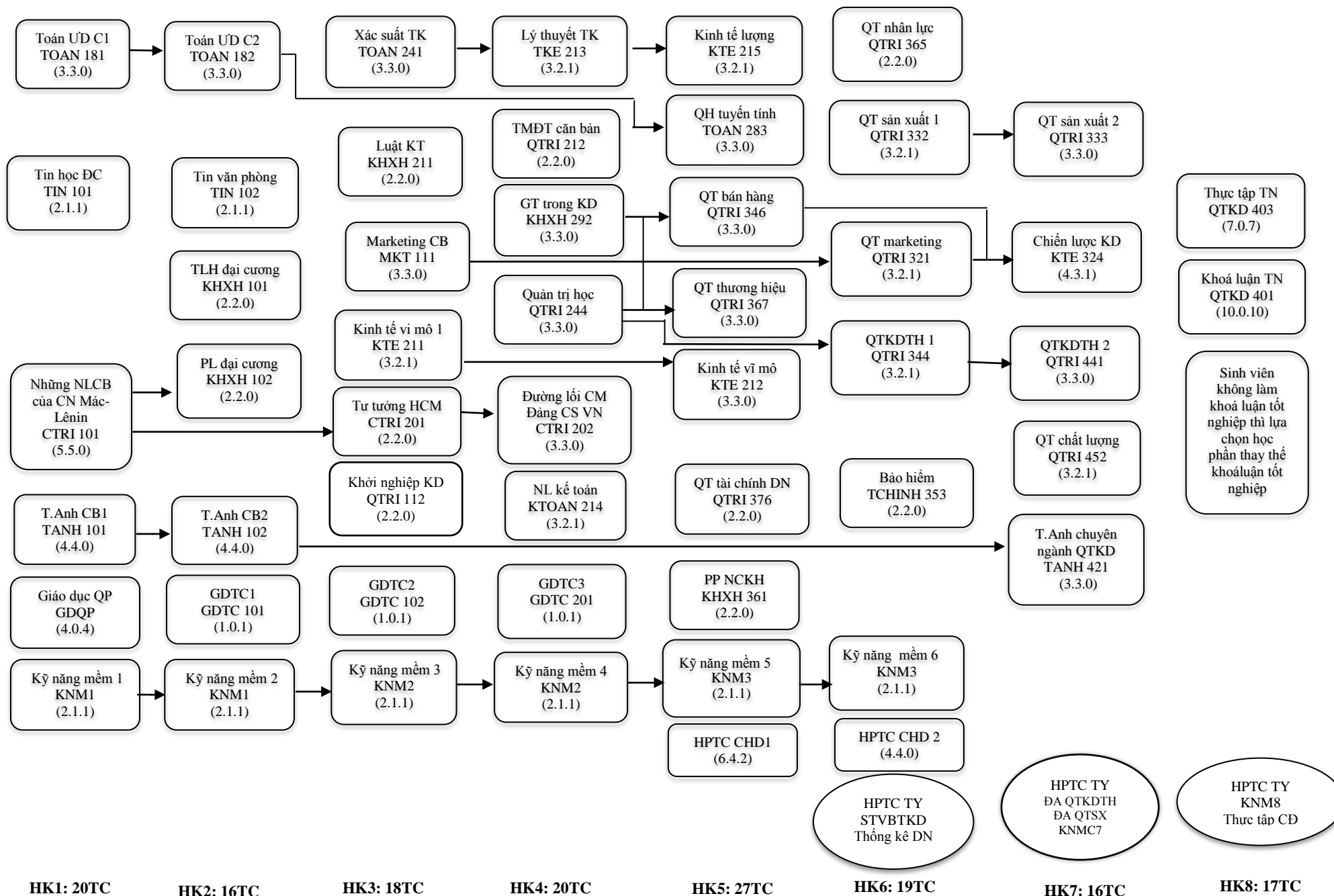
STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																		
			Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4	
1.	CTRI 101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	x											x	x			x		x	
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x											x	x			x		x	
3.	CTRI 202	Đường lối cách mạng của đảng cộng sản Việt Nam	x											x				x		x	
4.	KHXH 101	Tâm lý học đại cương	x											x				x		x	
5.	KHXH 102	Pháp luật đại cương	x											x				x	x		
6.	KHXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học						x						x				x	x	x	
7.	QTRI 112	Khởi nghiệp kinh doanh						x			x							x	x	x	
8.	TANH 101	Tiếng Anh cơ bản 1			x												x	x			
9.	TANH 102	Tiếng Anh cơ bản 2			x												x	x			
10.	TANH 421	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh			x												x	x			
11.	TOAN 181	Toán ứng dụng c1			x									x				x	x		
12.	TOAN 182	Toán ứng dụng c2			x									x				x	x		
13.	TOAN 241	Xác suất và thống kê			x									x				x	x		
14.	TIN 101	Tin học đại cương		x							x							x	x		
15.	GDTC 101	Giáo dục thể chất 1	x											x	x			x			
16.	GDTC 102	Giáo dục thể chất 2	x											x	x			x			
17.	GDTC 201	Giáo dục thể chất 3	x											x	x			x			
18.	GDQP-AN	Giáo dục quốc phòng và An ninh	x											x	x			x			
19.	KNM1	Kỹ năng mềm 1 và 2	x									x						x		x	
20.	KNM2	Kỹ năng mềm 3 và 4	x									x						x		x	
21.	KNM3	Kỹ năng mềm 5 và 6	x									x						x		x	
22.	KNM4	Kỹ năng mềm 7 và 8	x									x						x		x	
23.	KTE 211	Kinh tế vi mô 1			x				x									x	x		
24.	KTE 212	Kinh tế vĩ mô			x				x									x	x		
25.	KHXH 211	Luật kinh tế	x						x									x	x		



STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
26.	TKE 213	Lý thuyết thống kê					x	x		x				x			x	x		
27.	TOAN 283	Quy hoạch tuyến tính			x			x		x			x				x	x		
28.	KTE 215	Kinh tế lượng				x				x		x						x	x	
29.	MKT 111	Marketing căn bản				x	x	x	x	x			x	x			x	x	x	x
30.	TIN 102	Tin văn phòng		x						x							x	x		
31.	TCHINH 353	Bảo hiểm					x						x				x			
32.	KHXH 292	Giao tiếp trong kinh doanh					x						x		x		x	x		
33.	QTRI 212	Thương mại điện tử căn bản					x		x								x	x	x	x
34.	QTRI 244	Quản trị học				x				x		x						x	x	
35.	KTOAN 214	Nguyên lý kế toán				x				x							x	x		
36.	QTRI 376	Quản trị tài chính doanh nghiệp				x	x		x				x				x	x		
37.	TCHINH 431	Lập và phân tích dự án đầu tư					x	x	x	x		x					x	x	x	x
38.	KTE 241	Phân tích hoạt động kinh tế				x		x			x						x	x		
39.	KTOAN 221	Kế toán tài chính	x					x	x	x				x			x	x	x	
40.	QTRI 452	Quản trị chất lượng					x	x		x	x			x			x		x	x
41.	QTRI 321	Quản trị Marketing			x				x								x	x		
42.	QTRI 365	Quản trị nhân lực					x	x	x	x		x	x				x	x	x	x
43.	QTRI 344	Quản trị kinh doanh tổng hợp 1					x	x	x	x							x			x
44.	QTRI 441	Quản trị kinh doanh tổng hợp 2						x	x				x				x			x
45.	KTE 324	Chiến lược kinh doanh					x	x	x	x							x			x
46.	QTRI 332	Quản trị sản xuất 1						x		x							x	x	x	x
47.	QTRI 333	Quản trị sản xuất 2					x	x	x	x	x						x	x		
48.	QTRI 346	Quản trị bán hàng					x		x	x			x				x	x		
49.	QTRI 367	Quản trị thương hiệu					x	x	x	x			x		x		x	x	x	x
50.	TCHINH 322	Thị trường chứng khoán				x			x				x				x	x		
51.	KTE 344	Kinh tế môi trường				x	x						x				x	x	x	x
52.	QTKD 031	Tính chi phí kinh doanh					x	x	x	x							x			x
53.	KHXH 323	Soạn thảo văn bản trong kinh doanh		x				x				x			x		x	x		
54.	KTE 321	Thống kê doanh nghiệp						x		x				x			x			x
55.	QTRI 447	Đề án Quản trị sản xuất					x								x		x	x		

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																	
			Kiến thức						Kỹ năng								Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.1.6	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
56.	QTRI 462	Đề án Quản trị kinh doanh tổng hợp						x					x		x		x	x		
57.	QTRI426	Thực tập chuyên đề			x		x	x	x	x	x						x	x	x	
58.	QTRI 424	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)				x	x	x	x	x	x						x	x	x	
59.	QTRI 495	Khóa luận tốt nghiệp				x	x	x	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x
60.	QTRI 283	Thương mại quốc tế				x			x						x		x	x		
61.	QTRI 211	Quản trị văn phòng						x					x		x		x			x
62.	KHXX 322	Văn hoá kinh doanh				x	x		x	x		x	x				x	x	x	x
63.	TCHINH 341	Thuế			x					x					x		x	x		

## 10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO



## **11. NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN**

### **11.1. Mô tả các học phần**

#### **1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin**

Học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin ngoài chương mở đầu giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, học phần còn được cấu trúc thành 3 phần với 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát về những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; Phần thứ hai có 3 chương trình bày học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; Phần thứ ba có 3 chương, trong đó có hai chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng. Thông qua học phần hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, xác định thái độ và cách thức hoạt động, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

#### **2. Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 7 chương, giới thiệu cho sinh viên khái quát những nội dung, quan điểm trong hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh. Hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng cho sinh viên trong nhận thức và thực tiễn. Giúp sinh viên nhận thức đúng đắn các vấn đề của tự nhiên, xã hội và tư duy, hình thành quan điểm khoa học, lập trường cách mạng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

#### **3. Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam**

Học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, quá trình hình thành và phát triển đường lối của Đảng qua từng thời kỳ và vai trò lãnh đạo của Đảng qua mỗi thời kỳ lịch sử, đặc biệt thời kỳ đổi mới đất nước. Hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy khoa học về lịch sử, kỹ năng lựa chọn tài liệu nghiên cứu, học tập môn học và khả năng vận dụng nhận kiến thức Đường lối cách mạng của Đảng vào công tác thực tiễn trong quá trình học tập và công việc của bản thân. Xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao lòng tự hào, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, nâng cao vai trò tích cực, sáng tạo của bản thân.

#### **4. Tâm lý học đại cương**

Học phần Tâm lý học đại cương bao gồm những nội dung cơ bản: Những vấn đề khái quát về tâm lý học với tư cách là một khoa học; cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý người; sự hình thành và phát triển tâm lý - ý thức; hoạt động nhận thức; ngôn ngữ và nhận thức; tình cảm và ý chí; nhân cách và các thuộc tính tâm lý của nhân cách. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng phân tích và tổng hợp các tri thức tâm lý

được học để nhận dạng các hiện tượng tâm lý cơ bản, kỹ năng làm việc nhóm và tự học, tự nghiên cứu tài liệu. Vận dụng các quy luật, cơ chế vận hành của tâm lý vào đời sống con người, có thái độ đúng đắn trong việc giải quyết mọi mặt đời sống xã hội.

### **5. Pháp luật đại cương**

Học phần Pháp luật đại cương giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung cũng như nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng; về một số ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Hiến pháp (Luật Nhà nước), Luật hình sự và tổ tụng hình sự, Luật dân sự và tổ tụng dân sự, Luật hành chính, Luật lao động,... Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

### **6. Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản như khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp thu thập dữ liệu và xử lý thông tin, trình bày luận điểm khoa học giúp cho sinh viên hình thành tư duy logic trong nghiên cứu khoa học. Từ đó, sinh viên biết xây dựng luận điểm, tìm kiếm luận cứ thông qua vận dụng các phương pháp thu thập thông tin và hoàn thiện về kỹ năng thuyết trình luận điểm khoa học.

### **7. Khởi nghiệp kinh doanh**

Học phần Khởi nghiệp kinh doanh cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực kinh doanh như: thảo luận về vấn đề quản trị doanh nghiệp mới, phân tích các đặc điểm doanh nghiệp, quản trị tính sáng tạo và tạo dựng một doanh nghiệp thành công. Phương pháp hình thành ý tưởng kinh doanh, cách thức xây dựng bản kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh. Cung cấp những kỹ năng cơ bản về tái lập doanh nghiệp.

### **8. Tiếng Anh cơ bản 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên từ vựng về các chủ điểm: Chào hỏi, hẹn gặp, phương tiện giao thông, địa điểm, nơi chốn, quá khứ, dự định tương lai, đời sống xã hội, sở thích, thời trang, nghề nghiệp, giải trí thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và cung cấp cho sinh viên kiến thức ngữ pháp cơ bản về đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, các thời của động từ (hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai gần, tương lai đơn), tính từ so sánh, các cấu trúc đi kèm với tính từ, danh từ, động từ (too, enough, so that), các cấu trúc đặc biệt sử dụng trong các tình huống giao tiếp thường nhật.

### **9. Tiếng Anh cơ bản 2**

Học phần cung cấp từ vựng và cấu trúc tiếng Anh căn bản trình độ trung cấp (Intermediate) về các chủ điểm: Công việc, giải trí, đồ vật, đồ ăn, du lịch, các cụm danh từ, tính từ và động từ kết hợp với giới từ. Học phần còn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm giao tiếp trong đời sống xã hội hàng ngày và cung cấp kiến thức ngữ pháp về các lĩnh vực: Động từ ở thời hiện tại đơn, tiếp diễn, hoàn thành,

quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn; mệnh đề quan hệ; câu điều kiện loại 1, 2; danh động từ, động từ nguyên thể (gerund & infinitive); các cấu trúc so sánh hơn, so sánh nhất; động từ khuyết thiếu; câu trực tiếp, gián tiếp.

### **10. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh**

Học phần gồm 3 bài ôn tập và 12 bài học, trang bị cho sinh viên lượng từ vựng và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành về Quản trị kinh doanh. Luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh trên cơ sở lượng từ vựng 1000 từ và kiến thức ngữ pháp về các lĩnh vực: Từ ghép, cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, giới từ, tiền tố, tiền tố phủ định, danh động từ, động từ nguyên thể, từ nối, cấu tạo bị động, trạng từ chỉ mức độ, câu điều kiện, phân biệt thì hiện tại và quá khứ đơn.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong kinh doanh như diễn thuyết, tham gia hội nghị, đàm phán, giao tiếp qua điện thoại.

### **11. Toán ứng dụng C1**

Học phần Toán ứng dụng C1 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Đại số tuyến tính: Tập hợp, ánh xạ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian vectơ, dạng toàn phương.

- Giải tích hàm một biến: Giới hạn, tính liên tục, đạo hàm, vi phân và ứng dụng vào trong các phân tích kinh tế.

### **12. Toán ứng dụng C2**

Học phần Toán ứng dụng C2 đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung: Tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng; đạo hàm riêng, vi phân, cực trị của hàm nhiều biến, hàm thuần nhất, hàm ẩn và ứng dụng của nó trong kinh tế; phương trình vi phân cấp một, phương trình vi phân cấp hai, các mô hình phân tích động trong kinh tế.

### **13. Xác suất thống kê**

Học phần Xác suất thống kê đề cập đến những kiến thức cơ bản về các nội dung sau:

- Lý thuyết xác suất: Giải tích tổ hợp, định nghĩa xác suất, công thức cộng nhân xác suất, công thức Bernoulli, công thức xác suất đầy đủ Bayes, đại lượng ngẫu nhiên một chiều, đại lượng ngẫu nhiên hai chiều.

- Lý thuyết thống kê: Lý thuyết mẫu, bài toán ước lượng tham số, bài toán kiểm định giả thuyết.

### **14. Tin học đại cương**

Học phần Tin học đại cương gồm khái niệm cơ bản về thông tin, tin học; khái niệm, chức năng của hệ điều hành; thao tác cơ bản với hệ điều hành windows trong tổ chức, quản lý thông tin và máy tính; kỹ thuật lập trình giải quyết một số bài toán bằng

ngôn ngữ lập trình Pascal. Thông qua học phần rèn kỹ năng tổ chức, quản lý, biểu diễn thông tin và lập trình ứng dụng cơ bản bằng ngôn ngữ lập trình Pascal.

### **15. Giáo dục thể chất 1**

- Giáo dục thể chất 1 là học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần Giáo dục thể chất 1 là nhằm trang bị những kỹ năng, kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng.
- Thông qua quá trình học tập và rèn luyện kỹ thuật chạy cự ly ngắn. Người học phát triển tốt các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo.

### **16. Giáo dục thể chất 2**

- Giáo dục thể chất 2 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.
- Trong học phần Giáo dục thể chất 2 sinh viên được lựa chọn và đăng ký học 1 trong các nội dung sau: bóng đá, bóng chuyền, bóng chuyền hơi, cầu lông, bóng rổ.

### **17. Giáo dục thể chất 3**

- Giáo dục thể chất 3 là một học phần thuộc nhóm các học phần đại cương.
- Nhiệm vụ của học phần nhằm trang bị những kỹ năng kỹ xảo vận động cơ bản, cần thiết trong cuộc sống và tri thức chuyên môn tương ứng. Đồng thời phát triển các tố chất vận động như sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo và khéo léo cho người học.
- Trong học phần Giáo dục thể chất 3 sinh viên được tiếp tục học các môn thể thao đăng ký theo sở thích ở học phần Giáo dục thể chất 2.

### **18. Giáo dục quốc phòng và An ninh**

- Học phần GDQP-AN trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quốc phòng và an ninh; truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc, lực lượng vũ trang nhân dân và nghệ thuật quân sự Việt Nam; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân; kiến thức cơ bản, cần thiết về phòng thủ dân sự, kỹ năng quân sự; sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.
- Học phần GDQP-AN góp phần giáo dục chính trị, tư tưởng sâu sắc, hình thành ý thức quốc phòng đúng đắn, nâng cao trách nhiệm công dân cho sinh viên đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; giáo dục lòng tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc, xây dựng ý thức tổ chức kỉ luật, nếp sống tập thể, cùng với các hoạt động khác góp phần đẩy lùi tiêu cực và tệ nạn xã hội. Hoàn thành tốt môn học giáo dục quốc

phòng - an ninh là thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa nghị quyết của Đảng, pháp luật Nhà nước vào cuộc sống, thấp sáng ngọn lửa truyền thống “Dựng nước đi đôi với giữ nước” của dân tộc.

### **19. Kỹ năng mềm 1 và 2**

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, nội dung và nguyên tắc của kỹ năng quản lý bản thân; khái niệm, vai trò, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; khái niệm, hình thức, vai trò của kỹ năng giao tiếp, các nguyên tắc giao tiếp và kỹ năng giao tiếp hiệu quả. Hình thành cho sinh viên kỹ năng quản lý bản thân, các kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và kỹ năng giao tiếp ứng xử, từ đó giúp sinh viên biết vận dụng kỹ năng trong học tập và trong cuộc sống.

### **20. Kỹ năng mềm 3 và 4**

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò, tầm quan trọng của kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và kỹ năng giải quyết vấn đề. Cách thức, quy chế tổ chức và các nguyên tắc làm việc nhóm. Các công việc chuẩn bị cho buổi thuyết trình, các bước tiến hành buổi thuyết trình và quy trình giải quyết vấn đề, ra quyết định. Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc nhóm hiệu quả, phương pháp thuyết trình, cách giải quyết các vấn đề trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống.

### **21. Kỹ năng mềm 5 và 6**

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, vai trò của kỹ năng tư duy, sáng tạo, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc. Các nội dung quy trình và phương pháp tư duy sáng tạo và kỹ năng lắng nghe hiệu quả và các nguyên tắc lập kế hoạch hiệu quả. Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy sáng tạo, biết lắng nghe và cách lập kế hoạch trong học tập các môn học khác, các tình huống thực tế xảy ra trong cuộc sống.

### **22. Kỹ năng mềm 7 và 8**

Nội dung của học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên về khái niệm, quy trình, kỹ năng tổ chức sự kiện; các yếu tố cần có của người lãnh đạo, vai trò của người lãnh đạo, các bước hoàn thiện khả năng lãnh đạo. Quá trình tìm kiếm việc làm, các kỹ năng để tìm kiếm việc làm. Hình thành cho sinh viên kỹ năng để tổ chức một sự kiện, hoàn thiện các yếu tố cần có của người lãnh đạo, có kỹ năng tìm kiếm cơ hội việc làm, phỏng vấn tuyển dụng và tích cực tìm kiếm việc làm.

### **23. Kinh tế vi mô 1**

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kinh tế học vi mô như: Vấn đề khan hiếm; chi phí cơ hội; những vấn đề kinh tế cơ bản của doanh nghiệp; quy luật cung cầu; nguyên tắc lựa chọn của người tiêu dùng; lựa chọn sản xuất trong ngắn hạn và dài hạn của các loại hình doanh nghiệp; vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố sản xuất như vốn, lao động, đất đai; vai trò của chính phủ trong việc giải quyết những thất bại của kinh tế thị trường.



## **24. Kinh tế vĩ mô**

Học phần kinh tế vĩ mô nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự vận động của các biến số kinh tế vĩ mô. Rèn luyện cho sinh viên khả năng phân tích lý thuyết và nhận biết định lượng về sự biến động của các hiện tượng này và quá trình biến đổi kinh tế trong một nền kinh tế thị trường. Học phần sẽ trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách vĩ mô của nhà nước. Giúp sinh viên hiểu và vận dụng được vào việc phân tích sự biến động của nền kinh tế Việt Nam và trên thế giới.

## **25. Luật kinh tế**

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh trong lĩnh vực kinh doanh làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế định pháp lý cơ bản điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Nội dung bao gồm: Địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước, công ty cổ phần, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp tư nhân, chế độ pháp lý về hợp đồng, cách thức ký kết và đảm bảo thực hiện hợp đồng, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, pháp luật về tài chính.

## **26. Lý thuyết thống kê**

Lý thuyết thống kê là một môn khoa học xã hội, nó phản ánh bản chất và tính quy luật của hiện tượng, thông qua các con số, các biểu hiện về lượng của hiện tượng. Học phần Lý thuyết thống kê cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như phương pháp tính toán, phân tích cơ bản trong thống kê.

## **27. Quy hoạch tuyến tính**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết lập bài toán quy hoạch tuyến tính từ các vấn đề kinh tế, vận dụng phương pháp đơn hình, định lý đối ngẫu, phương pháp thế vị, phương pháp truy toán Belman vào giải các lớp bài toán quy hoạch tuyến tính riêng biệt với mục đích tìm phương án tối ưu.

## **28. Kinh tế lượng**

Học phần Kinh tế lượng cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên tắc thiết lập mô hình toán học để mô tả mối quan hệ giữa các biến số, từ đó thu thập số liệu để ước lượng được mô hình, kiểm định bản chất của sự phụ thuộc, sử dụng các biện pháp khác nhau để phát hiện các khuyết tật của mô hình và có biện pháp khắc phục, với mục đích lựa chọn mô hình phù hợp với lý thuyết, sử dụng mô hình đó để dự báo và ra quyết định.

## **29. Marketing căn bản**

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của marketing, quá trình hình thành hệ thống thông tin marketing, hoạt động nghiên cứu marketing, sự tác động của môi trường đến hoạt

động marketing và quá trình triển khai các công cụ của marketing – mix: Sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến hỗn hợp.

### **30. Tin văn phòng**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về Microsoft Word như: Soạn thảo, định dạng và in ấn để làm việc với file văn bản; các kiến thức của Microsoft Excel như: Soạn thảo, định dạng, tính toán và in ấn để làm việc với file bảng tính.

### **31. Bảo hiểm**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về bảo hiểm như: Đối tượng, nội dung nghiên cứu bảo hiểm, nhiệm vụ bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển, bảo hiểm thân tàu thủy, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm cháy, bảo hiểm con người, bảo hiểm thất nghiệp.

### **32. Giao tiếp trong kinh doanh**

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh trang bị cho sinh viên những kiến thức thực tế về giao tiếp, những vấn đề lý luận về giao tiếp, những kiến thức về những kỹ năng cơ bản trong giao tiếp như: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng viết thư tín, báo cáo,... đồng thời trang bị cho sinh viên kỹ năng sử dụng phương tiện trong giao tiếp đạt hiệu quả cao nhất.

### **33. Thương mại điện tử căn bản**

Học phần Thương mại điện tử căn bản nghiên cứu tổng quan về thương mại điện tử, nghiên cứu thị trường thương mại điện tử. giới thiệu kiến thức về các hoạt động giao dịch trong thương mại điện tử, các biện pháp đảm bảo an toàn trong kinh doanh thương mại điện tử và những lĩnh vực ứng dụng thương mại điện tử.

### **34. Quản trị học**

Quản trị học là học phần cơ sở ngành cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh. Học phần giới thiệu các chức năng của nhà quản trị như chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra. Bên cạnh đó học phần còn cung cấp cho người học những kiến thức chung về môi trường tổ chức, vấn đề ra quyết định và sự phát triển của tư tưởng quản trị.

### **35. Nguyên lý kế toán**

Nguyên lý kế toán là học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc, vai trò của kế toán và các phương pháp kế toán, vận dụng các phương pháp kế toán vào hạch toán các quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Giúp sinh viên có kiến thức tổng quát về kế toán, là nền tảng cho các học phần kế toán.

### **36. Quản trị tài chính doanh nghiệp**

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị vốn cố định, vốn lưu động; chi phí, doanh thu, lợi nhuận của doanh nghiệp; nguồn vốn và các công cụ huy động vốn của doanh nghiệp, cơ cấu nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn; giá

trị theo thời gian của tiền, tỷ suất sinh lời và rủi ro; đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và phân tích tài chính doanh nghiệp.

### **37. Lập và phân tích dự án đầu tư**

Học phần Lập và phân tích dự án đầu tư cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập dự án (các loại dự án đầu tư, nguồn hình thành vốn đầu tư,... và hệ thống các văn bản pháp luật về dự án đầu tư của Việt Nam).

Học phần được bắt đầu từ việc xem xét những vấn đề lý luận chung về đầu tư phát triển, về dự án đầu tư phát triển. Trên cơ sở đó, đi sâu xem xét trình tự và các nội dung cần nghiên cứu trong quá trình soạn thảo dự án đầu tư; xem xét công tác tổ chức soạn thảo dự án; xem xét nội dung, phương pháp phân tích đánh giá các khía cạnh của dự án ở giai đoạn nghiên cứu khả thi: Nghiên cứu điều kiện vĩ mô, nghiên cứu khía cạnh thị trường, nghiên cứu khía cạnh kỹ thuật, nghiên cứu khía cạnh tổ chức quản lý và nhân sự, nghiên cứu khía cạnh tài chính và kinh tế - xã hội.

### **38. Phân tích hoạt động kinh tế**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh như: Phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo từng mặt hàng, phân tích chất lượng sản phẩm, phân tích tính đồng bộ của sản xuất, phân tích các yếu tố về lao động, các yếu tố về tài sản cố định, phân tích yếu tố nguyên vật liệu. Phân tích tình hình lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh. Phân tích tình hình tài chính. Thông qua phân tích đưa ra các quyết định và giải pháp hợp lý mang lại hiệu quả cao nhất.

### **39. Kế toán tài chính**

Học phần kế toán tài chính trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, nguyên tắc hạch toán, tài khoản sử dụng, phương pháp hạch toán và phương pháp ghi sổ các phần hành kế toán, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các doanh nghiệp.

### **40. Quản trị chất lượng**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về chất lượng sản phẩm/dịch vụ, quản lý chất lượng sản phẩm, chi phí quản lý chất lượng, các nguyên tắc, đặc điểm của một số hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hoá và đo lường chất lượng, vai trò và ý nghĩa của kiểm tra và đánh giá chất lượng sản phẩm, áp dụng các công cụ thống kê trong kiểm tra và quản lý chất lượng.

### **41. Quản trị marketing**

Học phần Quản trị marketing giới thiệu các khái niệm và quan điểm về quản trị marketing, phân tích các cơ hội, nguy cơ của thị trường và tiên đoán nhu cầu thị trường, hoạch định chiến lược marketing, quản trị chiến lược marketing, tổ chức thực hiện chương trình marketing, kiểm tra các hoạt động marketing.

### **42. Quản trị nhân lực**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò quản trị nhân lực trong tổ chức hay doanh nghiệp, chiến lược của tổ chức về quản trị nhân sự và các

quan hệ dân sự đồng thời thực hiện chính sách lao động tiền lương, các biện pháp để quản lý người lao động, giúp người lao động gắn bó với doanh nghiệp.

#### **43. Quản trị kinh doanh tổng hợp 1**

Học phần Quản trị kinh doanh tổng hợp 1 cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh, kỹ năng quản trị, phong cách quản trị, các vấn đề cơ bản về tạo lập doanh nghiệp, quản trị quá trình sản xuất, ra quyết định quản trị, quản trị nhân lực và quản trị chất lượng. Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, nghiên cứu cơ hội và điều kiện kinh doanh, xây dựng bộ máy quản trị, phân tích và lập kế hoạch sản xuất, kế hoạch nguồn nhân lực và kiểm tra, kiểm soát, quản trị chất lượng trong doanh nghiệp. Từ đó xây dựng tiềm lực, nền tảng để giúp sinh viên khi ra trường có kiến thức và kỹ năng để nhận biết và ra quyết định kinh doanh đúng đắn.

#### **44. Quản trị kinh doanh tổng hợp 2**

Học phần Quản trị kinh doanh tổng hợp 2 nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hoạt động quản lý trong doanh nghiệp. Các mặt trong quá trình quản lý như quản lý công nghệ - kỹ thuật, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính và các hoạt động quản trị về tính toán kết quả và chi phí để có thể ra quyết định đúng đắn trong kinh doanh và giúp doanh nghiệp phát triển.

#### **45. Chiến lược kinh doanh**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chiến lược kinh doanh, quản trị chiến lược, quy trình thực hiện chiến lược kinh doanh, phân tích và dự báo môi trường kinh doanh, mục tiêu chiến lược, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, các chiến lược của doanh nghiệp; nội dung các bước của việc tổ chức thực hiện chiến lược, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Giúp sinh viên có kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh, nghiên cứu cơ hội và điều kiện kinh doanh, xây dựng bộ máy quản trị, phân tích và lập chiến lược kinh doanh trong doanh nghiệp. Từ đó xây dựng tiềm lực, nền tảng để giúp sinh viên khi ra trường có kiến thức và kỹ năng để nhận biết và ra quyết định kinh doanh đúng đắn. Sau khi học xong môn chiến lược kinh doanh sinh viên vận dụng được các quy trình xây dựng chiến lược kinh doanh vào trong tình huống thực tế để xác định các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp và xây dựng chiến lược kinh doanh cho doanh nghiệp.

#### **46. Quản trị sản xuất 1**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức khái quát về quản trị tác nghiệp, thực chất, vai trò và các phương pháp dự báo, các nhân tố ảnh hưởng tới hoạch định công suất, các phương pháp hỗ trợ lựa chọn phương án hoạch định công suất, các nhân tố ảnh hưởng tới định vị doanh nghiệp và các phương pháp đánh giá định vị doanh nghiệp.

#### **47. Quản trị sản xuất 2**

Học phần Quản trị sản xuất 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản khái quát về các chiến lược và các phương pháp hoạch định tổng hợp, yêu cầu và trình tự

của hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, phương pháp phân giao công việc trong doanh nghiệp, quản trị dự án sản xuất và phương pháp xác định kích cỡ lô hàng. Qua đó giúp sinh viên lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực quản trị tác nghiệp tại doanh nghiệp.

#### **48. Quản trị bán hàng**

- Trong nội dung học phần sinh viên cần nắm vững các kiến thức cơ bản về bán hàng, quản trị bán hàng; hành vi mua hàng của khách hàng tiêu dùng, khách hàng tổ chức; phương pháp bán hàng.

- Sau khi học xong học phần quản trị bán hàng sinh viên vận dụng được các kỹ năng bán hàng cơ bản vào trong tình huống thực tế để xử lý tốt các tình huống bán hàng cũng như rèn luyện và nâng cao khả năng thuyết trình, xây dựng được bản mô tả công việc, xây dựng được chương trình khuyến mãi và xây dựng quy trình mua hàng của khách hàng tiêu dùng và khách hàng tổ chức.

#### **49. Quản trị thương hiệu**

Học phần Quản trị thương hiệu là học phần thuộc nhóm các học phần chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh. Nhiệm vụ của học phần là vừa phải trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản nhất về quản trị thương hiệu, đồng thời phải trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản trong việc ứng dụng các lý luận quản trị thương hiệu hiện đại vào thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp.

Học phần cung cấp những kiến thức nhất định về thương hiệu, về quá trình xây dựng và quản trị thương hiệu trên cơ sở tập hợp từ những nguồn khác nhau, phân tích những kinh nghiệm và những nhận định về chiến lược xây dựng thương hiệu của các doanh nghiệp thành đạt để từ đó đưa ra mô hình khái quát nhất về xây dựng thương hiệu.

#### **50. Thị trường chứng khoán**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của thị trường chứng khoán như chức năng, công cụ, mục tiêu, cơ chế điều hành và giám sát thị trường chứng khoán; các phương thức hoạt động của thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp; các phương pháp phân tích và khả năng đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán; một số nội dung cơ bản về thị trường trái phiếu quốc tế và việc phát hành trái phiếu quốc tế.

#### **51. Kinh tế môi trường**

Học phần đã phân tích mối quan hệ giữa môi trường và phát triển, những vấn đề cơ bản về kinh tế học chất lượng môi trường, đánh giá tác động môi trường và phân tích kinh tế của những tác động môi trường, những vấn đề liên quan giữa tài nguyên, dân số, kinh tế với môi trường và những nội dung kiến thức cơ bản của quản lý môi trường phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam và xu hướng biến đổi môi trường toàn cầu.

#### **52. Tính chi phí kinh doanh**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về mục tiêu, vai trò và các phương pháp tính chi phí kinh doanh theo điểm, theo đối tượng, theo khoản mục... Để từ đó đưa ra các

giải pháp cắt giảm chi phí cũng như tính sát giá thành sản xuất với mọi sản phẩm (dịch vụ) trong các tổ chức kinh tế, chính trị và xã hội.

### **53. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh**

Học phần Soạn thảo văn bản trong cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về văn bản, sự cần thiết của công tác soạn thảo văn bản, công tác văn thư lưu trữ và hình thành kỹ năng soạn thảo các loại văn bản thường sử dụng trong đời sống, trong hoạt động hành chính và hoạt động kinh doanh.

### **54. Thống kê doanh nghiệp**

Thống kê doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thống kê trong doanh nghiệp. Thông qua các số liệu thống kê từng lĩnh vực cụ thể của doanh nghiệp sinh viên có thể đưa ra các phân tích, nhận xét và các giải pháp giúp doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả hơn.

### **55. Đề án quản trị sản xuất**

Học phần Đề án quản trị sản xuất nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản trị tác nghiệp cho doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các lĩnh vực về quản trị công nghệ, quản trị cung ứng nguyên vật liệu, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính cũng như phương pháp quản lý tác nghiệp trong các doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần Quản trị tác nghiệp, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

### **56. Đề án quản trị kinh doanh tổng hợp.**

Học phần Đề án quản trị kinh doanh tổng hợp nhằm cung cấp cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản trị kinh doanh, về quản trị tác nghiệp cho doanh nghiệp và nghiên cứu sâu hơn các lĩnh vực về quản trị công nghệ, quản trị cung ứng nguyên vật liệu, quản trị tiêu thụ, quản trị tài chính cũng như phương pháp quản lý sản xuất trong các doanh nghiệp, giúp sinh viên kết hợp được giữa lý luận và thực tiễn trong học phần Quản trị kinh doanh, làm cơ sở để sinh viên làm tốt hơn các chuyên đề và khóa luận tốt nghiệp.

### **57. Thực tập chuyên đề**

Thực tập chuyên đề là học phần nhằm tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tiếp cận với cơ cấu quản trị doanh nghiệp, tìm hiểu về cơ chế hoạt động, quy định chung tại đơn vị thực tập, phương thức điều hành, làm quen với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị thực tập; vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực hành quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp; trải nghiệm vào thực tế công việc chuyên môn.

### **58. Thực tập tốt nghiệp**

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên củng cố những kiến thức lý thuyết, kỹ năng đã được học tập ở nhà trường; vận dụng kiến thức đã học vào công tác quản trị thực tế tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp; tạo điều kiện cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc, phương thức tổ chức sản xuất,

quản lý điều hành, tổ chức bộ máy kế toán tại đơn vị thực tập; rèn luyện khả năng giao tiếp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

### **60. Thương mại quốc tế**

Học phần Thương mại quốc tế giới thiệu các chính sách thương mại, các định chế kinh tế thế giới đang hoạt động cũng như tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Do đó sau khi học học phần này sinh viên sẽ có cái nhìn toàn diện hơn về hoạt động thương mại quốc tế và trang bị cho mình kỹ năng về giao dịch trên thị trường trong cũng như ngoài nước.

Sau khi đã nắm được những vấn đề cơ bản về thương mại quốc tế, sinh viên sẽ lý giải dễ dàng hơn các sự việc đang diễn ra hằng ngày trong nền kinh tế liên quan đến hoạt động giao thương giữa các quốc gia.

### **61. Quản trị văn phòng**

Học phần Quản trị văn phòng nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các công việc liên quan tới văn phòng và tổ chức kiểm tra công việc văn phòng. Giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về công việc văn phòng trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.

### **62. Văn hóa kinh doanh**

Học phần văn hóa kinh doanh trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp. Các thành phần cơ bản hình thành lên văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp như triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nhân, mẫu mã sản phẩm, kiến trúc của doanh nghiệp...Trình bày cấu trúc nhân cách doanh nhân, giúp sinh viên có công cụ phân tích đánh giá hình thành lên nhân cách sống tích cực, có lập trường vững vàng.

### **63. Thuế**

Trang bị kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm, đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, phương pháp tính và thủ tục kê khai nộp thuế bao gồm: thuế giá trị gia tăng; thuế xuất, nhập khẩu; thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập cá nhân và thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế tài sản; phí và lệ phí.

## **11.2. Đề cương chi tiết học phần (có phụ lục kèm theo)**

### **12. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
1.	Nguyễn Thị Nhân	1978	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Tính chi phí kinh doanh 2. Chiến lược kinh doanh
2.	Nguyễn Thị Chuyên	1983	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Nguyên lý kế toán
3.	Trần Thị Hằng	1988	Thạc sĩ - Quản trị	1. Phương pháp nghiên

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
			kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>cứu khoa học</li> <li>2. QTKD tổng hợp 1</li> <li>3. QTKD tổng hợp 2</li> <li>4. Quản trị sản xuất 1</li> <li>5. Quản trị sản xuất 2</li> <li>6. Đề án QTSX</li> <li>7. Đề án QTKDTH</li> <li>8. Thực tập chuyên đề</li> <li>9. Thực tập tốt nghiệp</li> </ul>
4.	Nguyễn Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Phương pháp NCKH</li> <li>2. Luật Kinh tế</li> <li>3. Marketing căn bản</li> <li>4. Quản trị Marketing</li> <li>5. Chiến lược kinh doanh</li> <li>6. Quản trị bán hàng</li> <li>7. Thực tập chuyên đề</li> <li>8. Thực tập tốt nghiệp</li> </ul>
5.	Ngô Thị Luyện	1983	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Phương pháp NCKH</li> <li>2. Kinh tế vi mô 1</li> <li>3. Quản trị học</li> <li>4. Quản trị Marketing</li> <li>5. Quản trị thương hiệu</li> <li>6. Kinh tế môi trường</li> <li>7. Thực tập tốt nghiệp</li> <li>8. Thương mại quốc tế</li> </ul>
6.	Vũ Thị Hường	1984	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Khởi nghiệp kinh doanh</li> <li>2. Marketing căn bản</li> <li>3. Giao tiếp trong kinh doanh</li> <li>4. Quản trị Marketing</li> <li>5. Quản trị nhân lực</li> <li>6. Quản trị thương hiệu</li> <li>7. Thực tập chuyên đề</li> </ul>
7.	Nguyễn Thị Huế	1985	Thạc sĩ - Quản lý kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Giao tiếp trong kinh doanh</li> <li>2. Thương mại điện tử căn bản</li> <li>3. Quản trị sản xuất 1</li> <li>4. Quản trị sản xuất 2</li> <li>5. Quản trị bán hàng</li> </ul>



<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
				6. Kinh tế môi trường 7. Thực tập chuyên đề
8.	Nguyễn Thị Thuỷ	1986	Thạc sĩ - Thương Mại	1. Luật Kinh tế 2. Lý thuyết thống kê 3. Thương mại quốc tế 4. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh 5. Thống kê doanh nghiệp 6. Thực tập chuyên đề 7. Quản trị văn phòng
9.	Mạc Thị Liên	1989	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	1. Kinh tế vi mô 1 2. Kinh tế vĩ mô 3. Quy hoạch tuyến tính 4. Kinh tế lượng 5. Quản trị chất lượng 6. Đề án Quản trị sản xuất
10.	Lê Thị Hường	1982	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp 1 3. Quản trị kinh doanh tổng hợp 2 4. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh 5. Văn hoá kinh doanh 6. Quản trị thương hiệu 7. Đề án quản trị sản xuất
11.	Tô Thu Thuỷ	1982	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	1. Lý thuyết thống kê 2. Thống kê doanh nghiệp 3. Kinh tế môi trường 4. Quản trị sản xuất 1 5. Quản trị sản xuất 2 6. Đề án quản trị kinh doanh tổng hợp
12.	Hoàng Thị Hoa	1987	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Luật kinh tế 2. Lý thuyết thống kê 3. Quy hoạch tuyến tính 4. Kinh tế lượng

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
				5. Tính chi phí kinh doanh 6. Đề án quản trị kinh doanh tổng hợp
13.	Đinh Thị Kim Thiết	1980	Thạc sĩ - Kinh tế	1. Phân tích hoạt động kinh tế 2. Kế toán tài chính 3. Thuế
14.	Nguyễn Thị Quỳnh	1986	Thạc sĩ - Kế toán	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Kế toán tài chính
15.	Vũ Thị Thanh Thủy	1984	Thạc sĩ - Kế toán	1. Bảo hiểm 2. Nguyên lý kế toán 3. Thuế
16.	Vũ Thị Lý	1985	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Bảo hiểm 2. Quản trị học 3. Nguyên lý kế toán 4. Quản trị nhân lực
17.	Lương Thị Hoa	1989	Thạc sĩ - Tài chính ngân hàng	1. Bảo hiểm 2. Quản trị tài chính doanh nghiệp 3. Phân tích hoạt động kinh tế 4. Thị trường chứng khoán
18.	Nguyễn Thị Dung	1983	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Kế toán tài chính 2. Tính chi phí kinh doanh 3. Khởi nghiệp kinh doanh 4. Quản trị học
19.	Hoàng Thị Bích Ngọc	1982	Thạc sĩ – Tài chính ngân hàng	1. Thị trường chứng khoán
20.	Nguyễn Thanh Tú	1985	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Nguyên lý kế toán 2. Phân tích hoạt động kinh tế 3. Kế toán tài chính
21.	Vương Thị Thuý Huyền	1984	Thạc sĩ - Kinh tế	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp
22.	Phùng Thị Mến	1984	Thạc sĩ – Kế toán	1. Thuế

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
23.	Nguyễn Thị Phương	1987		1. Thị trường chứng khoán
24.	Nguyễn Thị Kim Nguyên	1974	Tiến sĩ - Kinh tế chính trị	1. Những NLCB của CN Mác-Lênin 2. Kỹ năng mềm 1 và 2 3. Kỹ năng mềm 3 và 4 4. Kỹ năng mềm 5 và 6 5. Kỹ năng mềm 7 và 8 6. Kinh tế vi mô 1 7. Kinh tế vĩ mô
25.	Nguyễn Minh Tuấn	1977	Tiến sĩ - Tài chính ngân hàng	1. Kinh tế lượng 2. Lập và phân tích dự án đầu tư 3. Thị trường chứng khoán 4. TT tốt nghiệp
26.	Lưu Thị Loan	1984	Thạc sĩ - Thương Mại	1. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh 2. Quản trị kinh doanh tổng hợp 1 3. Chiến lược kinh doanh 4. Marketing căn bản
27.	Nguyễn Thị Thuý Vân	1985	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Soạn thảo văn bản trong kinh doanh 2. Thống kê doanh nghiệp 3. Thương mại điện tử căn bản 4. Quản trị văn phòng
28.	Phí Thị Thanh Huyền	1983	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	1. Quản trị văn phòng 2. Văn hoá kinh doanh 3. Quản trị chất lượng
29.	Vũ Thị Thanh Huyền	1983	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Lập và phân tích dự án đầu tư
30.	Trần Thị Lan Anh	1981	Thạc sĩ – Quản trị kinh doanh	1. Nguyên lý kế toán
31.	Đặng Thị Dương	1984	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Lập và phân tích dự án đầu tư
32.	Đào Văn Dậy	1985	Thạc sĩ - Kế toán	1. Quản trị tài chính doanh nghiệp 2. Nguyên lý kế toán

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
33.	Phạm Thị Ngọc Mai	1988	Thạc sĩ – Tài chính ngân hàng	1. Thị trường chứng khoán
34.	Phạm Thị Hồng Hoa	1977	Tiến sĩ - Kinh tế quốc tế	1. Những NLCB của CN Mác-Lênin 2. Tâm lý học ĐC 3. Kỹ năng mềm 1 và 2 4. Kỹ năng mềm 3 và 4 5. Kỹ năng mềm 5 và 6 6. Kỹ năng mềm 7 và 8
35.	Phạm Xuân Đức	1982	Thạc sĩ – Triết học	1. Những NLCB của CN Mác-Lênin 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. Pháp luật đại cương 4. Kỹ năng mềm 1 và 2 5. Kỹ năng mềm 3 và 4 6. Kỹ năng mềm 5 và 6 7. Kỹ năng mềm 7 và 8
36.	Nguyễn Thị Hải Hà	1977	Thạc sĩ - Lịch sử đảng	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. ĐLCS của ĐCSVN 3. Tâm lý học đại cương 4. Kỹ năng mềm 1 và 2 5. Kỹ năng mềm 3 và 4 6. Kỹ năng mềm 5 và 6 7. Kỹ năng mềm 7 và 8
37.	Nguyễn Thị Tình	1986	Thạc sĩ - Lịch sử đảng	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. ĐLCS của ĐCSVN 3. Tâm lý học đại cương 4. Kỹ năng mềm 1 và 2 5. Kỹ năng mềm 3 và 4 6. Kỹ năng mềm 5 và 6 7. Kỹ năng mềm 7 và 8
38.	Nguyễn Mạnh Tường	1977	Thạc sĩ - Quản trị kinh doanh	1. Những NLCB của CN Mác-Lênin 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh 3. ĐLCS của ĐCSVN 4. Pháp luật đại cương 5. Kỹ năng mềm 1 và 2 6. Kỹ năng mềm 3 và 4

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
				7. Kỹ năng mềm 5 và 6 8. Kỹ năng mềm 7 và 8
39.	Đặng Thị Dung	1987	Thạc sĩ - Lịch sử đảng	1. Tư tưởng HCM 2. ĐLCHM của ĐCSVN 4. Kỹ năng mềm 1 và 2 5. Kỹ năng mềm 3 và 4 6. Kỹ năng mềm 5 và 6 7. Kỹ năng mềm 7 và 8
40.	Đỗ Thị Thùy	1985	Thạc sĩ - Triết học	1. Những NLCHB của CN Mác-Lênin 2. Pháp luật ĐC 3. Kỹ năng mềm 1 và 2 4. Kỹ năng mềm 3 và 4 5. Kỹ năng mềm 5 và 6 6. Kỹ năng mềm 7 và 8
41.	Vũ Văn Đông	1982	Thạc sĩ - Kinh tế chính trị	1. Những NLCHB của CN Mác-Lênin 2. ĐLCHM của ĐCSVN 3. Kỹ năng mềm 1 và 2 4. Kỹ năng mềm 3 và 4 5. Kỹ năng mềm 5 và 6 6. Kỹ năng mềm 7 và 8
42.	Phạm Thị Mai	1982	Thạc sĩ - Lý luận Nhà nước về pháp luật	1. Pháp luật đại cương 2. Kỹ năng mềm 1 và 2 3. Kỹ năng mềm 3 và 4 4. Kỹ năng mềm 5 và 6 5. Kỹ năng mềm 7 và 8
43.	Nguyễn Thị Hiền	1985	Thạc sĩ - Triết học	1. Những NLCHB của CN Mác-Lênin 2. Tâm lý học đại cương 3. Pháp luật đại cương 4. Kỹ năng mềm 1 và 2 5. Kỹ năng mềm 3 và 4 6. Kỹ năng mềm 5 và 6 7. Kỹ năng mềm 7 và 8
44.	Trần Thị Hồng Nhung	1979	Thạc sĩ - Triết học	1. Những NLCHB của CN Mác-Lênin 2. Kỹ năng mềm 1 và 2

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
				3. Kỹ năng mềm 3 và 4 4. Kỹ năng mềm 5 và 6 5. Kỹ năng mềm 7 và 8
45.	Trần Thị Ngọc Yến	1986	Thạc sỹ, Triết học	1. Tư tưởng Hồ Chí Minh 2. Kỹ năng mềm 1 và 2 3. Kỹ năng mềm 3 và 4 4. Kỹ năng mềm 5 và 6 5. Kỹ năng mềm 7 và 8
46.	Phạm Văn Dự			1. Kỹ năng mềm 1 và 2 2. Kỹ năng mềm 3 và 4 3. Kỹ năng mềm 5 và 6 4. Kỹ năng mềm 7 và 8
47.	Nguyễn Thị Hào			1. Tâm lý học ĐC
48.	Hà Đình Soát	1981	Thạc sỹ - Khoa học giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1 2. Giáo dục thể chất 2 3. Giáo dục thể chất 3 4. GDQP và AN
49.	Phạm Anh Dũng	1981	Thạc sỹ – Giáo dục thể chất	1. Giáo dục thể chất 1 2. Giáo dục thể chất 2 3. Giáo dục thể chất 3 4. GDQP và AN
50.	Vũ Tiến Hiếu	1986	Thạc sỹ - Khoa học giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1 2. Giáo dục thể chất 2 3. Giáo dục thể chất 3 4. GDQP và AN
51.	Nguyễn Đức Thuận	1989	Thạc sỹ – Giáo dục thể chất	1. Giáo dục thể chất 1 2. Giáo dục thể chất 2 3. Giáo dục thể chất 3 4. GDQP và AN
52.	Nguyễn Trọng Quý	1981	Thạc sỹ, Khoa học giáo dục	1. Giáo dục thể chất 1 2. Giáo dục thể chất 2 3. Giáo dục thể chất 3 4. GDQP và AN
53.	Nguyễn Thanh Tuấn	1989	Cử nhân, SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1 2. Giáo dục thể chất 2 3. Giáo dục thể chất 3 4. GDQP và AN
54.	Vũ Văn Duân		Cử nhân, SPTDĐT	1. Giáo dục thể chất 1

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
				2. Giáo dục thể chất 2 3. Giáo dục thể chất 3 4. GDQP và AN
55.	Vũ Văn Chương	1973	Cử nhân	1. GDQP và AN
56.	Nguyễn Việt Tuấn	1983	Tiến sĩ - Toán giải tích	1. Toán ứng dụng C1 2. Toán ứng dụng C2 3. Xác suất thống kê
57.	Nguyễn Kiều Hiên	1986	Thạc sĩ - Toán giải tích	1. Xác suất thống kê
58.	Nguyễn Thị Hồng	1986	Thạc sĩ - Xác suất thống kê	1. Toán ứng dụng C1 2. Toán ứng dụng C2
59.	Nguyễn Thị Huệ	1985	Thạc sĩ - Xác suất thống kê	1. Toán ứng dụng C1 2. Toán ứng dụng C2 3. Xác suất thống kê
60.	Nguyễn Thị Diệp Huyền	1979	Thạc sĩ - Toán giải tích	1. Toán ứng dụng C1 2. Toán ứng dụng C2 3. Xác suất thống kê
61.	Dương Thị Hương			1. Toán ứng dụng C1 2. Toán ứng dụng C2
62.	Nguyễn Thị Ngọc Hương	1980	Thạc sỹ, Toán học	1. Xác suất thống kê
63.	Nguyễn Thị Huệ	1979	Thạc sỹ, Toán học	1. Xác suất thống kê
64.	Trần Thị Luyện			1. Xác suất thống kê
65.	Vũ Thị Lương	1978	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2
66.	Trịnh Thị Chuyên	1981	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2
67.	Trần Hoàng Yến	1982	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2
68.	Phạm Thị Huyền Trang	1988	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2
69.	Đặng Thị Minh Phương	1979	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2 3. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh
70.	Trần Thị Mai Hương	1985	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2
71.	Tăng Thị Hồng Minh	1985	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Văn bằng cao nhất, ngành đào tạo</b>	<b>Môn học / học phần sẽ giảng dạy</b>
72.	Ngô Thị Mỹ Bình	1984	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2 3. Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh
73.	Đặng Thị Thanh	1979	Thạc sĩ - Tiếng Anh	1. Tiếng Anh cơ bản 1 2. Tiếng Anh cơ bản 2
74.	Phạm Văn Kiên	1979	Thạc sĩ - Công nghệ thông tin	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng
75.	Vũ Bảo Tạo	1979	Thạc sĩ - Công nghệ thông tin	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng
76.	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	1981	Thạc sĩ - Hệ thống thông tin	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng
77.	Hoàng Thị An	1987	Thạc sĩ - Khoa học máy tính	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng
78.	Hoàng Thị Ngát	1985	Thạc sĩ - Khoa học máy tính	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng
79.	Hoàng Thị Ngọc Diệp	1982	Thạc sĩ - Công nghệ thông tin	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng
80.	Phạm Thị Hường	1981	Thạc sĩ - Công nghệ thông tin	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng
81.	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1989	Thạc sĩ, Công nghệ thông tin	1. Tin học đại cương 2. Tin văn phòng

### **13. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP**

#### **13.1. Phòng thực hành và hệ thống thiết bị thực hành chính**

<b>STT</b>	<b>Tên phòng thực hành</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
1	Phòng kế toán tin	8	Máy tính FPT Elead M533 E7500
		8	Máy tính để bàn đồng bộ FPT Elead M533 E7500
		2	Máy tính FPT Elead S989 corei3
		9	Máy tính để bàn (Sing pc)
		1	Máy chiếu đa năng 3Mx76
		1	Bảng viết 1,5 x 4m
		1	Bình cứu hoả
		2	Bục giảng
		4	Quạt trần



STT	Tên phòng thực hành	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		4	Quạt treo tường
		2	Quạt công nghiệp
2	Phòng thực hành Quản trị	1	Ti vi Plasma sam sung p560 F5000
		1	Máy đếm tiền 2500
		3	Máy tính FPT Elead S989 core i3
		3	Máy tính FPT ELEAD S989 core i3 3220
		6	Ghế khách hàng
		6	Ghế nhân viên
		1	Máy in LPB 2900
		1	Tủ mạng 19inch - 1020
		1	Switch plan net 16 cổng
		4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi
		6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi
		3	Quạt trần
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m
		3	Phòng thực hành Kế toán
1	Máy đếm tiền 2500		
3	Máy tính FPT Elead S989 core i3		
3	Máy tính FPT ELEAD S989 core i3 3220		
1	Máy tính ELEAD E965 core i3 550-3-2		
7	Ghế khách hàng (chân quỳ khung mạ)		
7	Ghế nhân viên (xoay da màu đen)		
1	Máy in LPB 2900		
1	Tủ mạng 19inch - 1020		
1	Switch plan net 16 cổng		
4	Ghế học sinh 2 chỗ ngồi		
6	Ghế học sinh 3 chỗ ngồi		
3	Quạt trần		

STT	Tên phòng thực hành	Số lượng	Các trang thiết bị chính
		4	Quạt treo tường
		1	Bảng viết 1,5 x 2,5m

### 13.2. Thư viện

Nhà trường có Trung tâm thông tin - thư viện với tổng diện tích 600m<sup>2</sup> với 300 chỗ đọc và trên 4.000 đầu sách tham khảo bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài. Thư viện điện tử được kết nối với cơ sở dữ liệu Proquest Central thuộc Liên hiệp các thư viện Việt Nam phục vụ tra cứu và học tập.

### 13.3. Giáo trình, tập bài giảng

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
<b>I</b>	<b>Giáo trình lưu hành nội bộ</b>		<b>Trường ĐH Sao Đỏ</b>	
1.	Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin		”	2011
2.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh		”	2016
3.	Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam		”	2009
4.	Giáo trình Tâm lý học đại cương		”	
5.	Giáo trình Pháp luật đại cương		”	2014
6.	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học		”	2016
7.	Giáo trình Khởi nghiệp kinh doanh		”	2016
8.	KnowHow - Student book & Workbook 1	Angela Blackwell Therese Naber	Oxford	
9.	KnowHow - Student book & Workbook 2	Angela Blackwell Therese Naber	Oxford	
10.	Giáo trình Tiếng Anh ngành Quản trị kinh doanh		Trường ĐH Sao Đỏ	2016
11.	Giáo trình Toán ứng dụng c 1		”	2014
12.	Giáo trình Toán ứng dụng c 2		”	2014
13.	Giáo trình Xác suất và thống kê		”	2014
14.	Giáo trình Tin học đại cương		”	2014
15.	Giáo trình Điền kinh	PGS.TS Phạm Khắc Học	NXB Thể dục thể thao	2004
16.	Luật bóng chuyền và bóng chuyền bãi biển		NXB Thể dục thể thao	2013

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
17.	Giáo trình bóng đá	Đại học Đà Lạt		2011
18.	Luật bóng rổ		NXB Thể dục thể thao	2013
19.	Giáo trình cầu lông	Thạc sĩ Nguyễn Văn Hồng, Thạc sĩ Trần Việt Dũng	Trường Đại học sư phạm thành phố Hồ Chí Minh	2008
20.	Giáo trình Giáo dục quốc phòng- An ninh (Tập 1, 2)		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2013
21.	Giáo trình Kỹ năng mềm		Trường ĐH Sao Đỏ	2014
22.	Giáo trình Kinh tế vi mô 1		”	2014
23.	Giáo trình Kinh tế vĩ mô		”	2014
24.	Giáo trình Luật kinh tế		”	2014
25.	Giáo trình Lý thuyết thống kê		”	2014
26.	Giáo trình Quy hoạch tuyến tính		”	2014
27.	Giáo trình Kinh tế lượng		”	2014
28.	Giáo trình Marketing căn bản		”	2014
29.	Giáo trình Tin văn phòng		”	2014
30.	Giáo trình Bảo hiểm		”	2014
31.	Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh		”	2014
32.	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản		”	2016
33.	Giáo trình Quản trị học		”	2014
34.	Giáo trình Nguyên lý kế toán		”	2016
35.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp		”	2015
36.	Giáo trình Lập và phân tích dự án đầu tư		”	2016
37.	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh tế		”	2016
38.	Giáo trình Kế toán tài chính		”	2016
39.	Giáo trình Quản trị chất lượng		”	2014
40.	Giáo trình Quản trị Marketing		”	2014

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
41.	Giáo trình Quản trị nhân lực		”	2014
42.	Giáo trình Quản trị kinh doanh 1		”	2014
43.	Giáo trình Quản trị kinh doanh tổng hợp 2		”	2014
44.	Giáo trình Chiến lược kinh doanh		”	2014
45.	Giáo trình Quản trị sản xuất 1		”	2014
46.	Giáo trình Quản trị sản xuất 2		”	2014
47.	Giáo trình Quản trị bán hàng		”	2014
48.	Giáo trình Quản trị thương hiệu		”	2014
49.	Giáo trình Thị trường chứng khoán		”	2014
50.	Giáo trình Kinh tế môi trường		”	2014
51.	Giáo trình Tính chi phí kinh doanh		”	2014
52.	Giáo trình Soạn thảo văn bản trong kinh doanh		”	2014
53.	Giáo trình Thống kê doanh nghiệp		”	2014
54.	Giáo trình Thương mại quốc tế		”	2014
55.	Giáo trình Quản trị văn phòng		”	2014
56.	Giáo trình Văn hoá kinh doanh		”	2014
57.	Giáo trình Thuế		”	2015
<b>II</b>	<b>Giáo trình tham khảo</b>			
58.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập I	Đại học Quốc gia Hà Nội	NXB Lý luận Chính trị	2008
59.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập II	Đại học Quốc gia Hà Nội	NXB Lý luận Chính trị	2008
60.	Một số chuyên đề Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tập III	Đại học Quốc gia Hà Nội	NXB Lý luận Chính trị	2008
61.	Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI	Đảng Cộng Sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia	2011
62.	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị	2010

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
			Quốc gia	
63.	Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 12	Đảng Cộng Sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội	2016
64.	Giáo trình Đường lối các mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo	NXB Quốc gia Hà Nội	2010
65.	Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X)	Đảng Cộng Sản Việt Nam	NXB Chính trị Quốc gia	2008
66.	Văn kiện Đại hội Đảng XI		NXB Chính trị Quốc gia	2011
67.	Văn kiện Đại hội Đảng XII		NXB Chính trị Quốc gia	2016
68.	Tâm lý học đại cương	Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên)	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.	2010
69.	Hỏi và đáp môn tâm lý học đại cương	Nguyễn Thị Huệ	NXB Đại học Sao Đỏ	2008
70.	Tâm lý học đại cương hướng dẫn trả lời lý thuyết giải bài tập tình huống và trắc nghiệm	Bùi Kim Chi, Phan Công Luận	NXB Chính trị - Hành chính	2010
71.	Giáo trình lý luận về Nhà nước và pháp luật	Nguyễn Văn Đông	NXB Giáo dục	2009
72.	Hiến pháp năm 2013			
73.	Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009			
74.	Bộ luật Dân sự 2014			
75.	Luật Phòng chống tham nhũng 2016			
76.	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Trần Minh Hương	NXB Công an Nhân dân	2009
77.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	NXB Giáo dục	2009

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
78.	Giáo trình Khởi sự kinh doanh và tái lập doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2011
79.	Tinh thần Khởi nghiệp Kinh doanh	Đình Việt Hòa	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	2012
80.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Cambridge Press	
81.	English Grammar in Use	Raymond Murphy	Nhà xuất bản lao động	
82.	Từ điển Anh – Việt, Việt - Anh			
83.	Từ điển Anh – Việt, Việt - Anh			
84.	Upper intermediate business English practice file -New edition- Market leader	John Rogers		2006
85.	Toán cao cấp C2	Nguyễn Quốc Hưng	NXB Giao thông vận tải	2009a
86.	Toán cao cấp C1	Nguyễn Quốc Hưng	NXB ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.	2009b
87.	Toán cao cấp, tập 2	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2009
88.	Toán cao cấp, tập 3	Nguyễn Đình Trí, Tạ Văn Đĩnh và Nguyễn Hồ Quỳnh	NXB Giáo dục	2010
89.	Xác suất thống kê	Đào Hữu Hồ	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội	2008
90.	Mở đầu về lí thuyết Xác suất và các ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục	2010
91.	Thống kê và ứng dụng	Đặng Hùng Thắng	NXB Giáo dục	2012

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
92.	Lý thuyết và bài tập Pascal nâng cao	Đình Xuân Lâm	Nhà xuất bản thống kê	2001
93.	Lập trình nâng cao trên ngôn ngữ Pascal	Nguyễn Tô Thành	Nhà xuất bản đại học quốc gia Hà Nội.	2001
94.	Luật thi đấu Điền kinh	Tổng cục TDTT	NXB TDTT	2013
95.	Lý luận và phương pháp TDTT	PGS.TS Nguyễn Toán, TS Phạm Danh Tôn	NXB TDTT	2006
96.	Giáo trình bóng chuyền	Thạc sĩ Đình Văn Lãm	NXB TDTT	2006
97.	Một số vấn đề về chủ quyền về biển, đảo Việt Nam		Nhà xuất bản Quân đội nhân dân	2008
98.	Giáo trình Giáo dục an ninh – trật tự dùng cho đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng		Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2012
99.	Một số văn bản về Giáo dục quốc phòng - an ninh cho HS,SV	Bộ GD&ĐT	NXB Quân đội nhân dân	2008
100.	Giáo trình Một số nội dung cơ bản về lãnh thổ, biên giới quốc gia	Thạc sĩ Phạm Văn Trường, thạc sĩ Nguyễn Quang Dũng	Nhà xuất bản Quân đội nhân dân	2007
101.	Kỹ năng tổ chức các hoạt động công tác thanh thiếu niên	Phạm Đình Nghiệp, Lê Văn Cầu	NXB Thanh niên	2010
102.	Kỹ năng quản trò & 325 trò chơi tập thể thanh thiếu niên	Trần Hoàng Trung	NXB Chính trị Quốc gia	2010
103.	Đàm phán với chính mình, 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình	Vũ Minh Tân dịch	NXB Khoa học xã hội	2016
104.	Rèn luyện kỹ năng nói, giao tiếp và thuyết trình cho cán bộ đoàn thanh niên	Trần Văn Trung	NXB Chính trị Quốc gia	2010

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
105.	Cẩm nang việc làm bí quyết tìm việc thành công trong bối cảnh hội nhập	Tiêu Yến Trinh, Nguyễn Thị An Hà, Nguyễn Thị Quỳnh Phương	NXB Thanh niên	2016
106.	50 điều trường học không dạy bạn và 20 điều cần làm trước khi rời ghế nhà trường	Alpha Books	NXB Khoa học xã hội	2016
107.	Giáo trình Kinh tế học vi mô 1	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân, ThS. Nguyễn Hồng Nhung	NXB Tài chính	2014
108.	500 câu hỏi trắc nghiệm Kinh tế vi mô	TS. Tạ Đức Khánh	NXB Giáo dục Việt Nam	2009
109.	Kinh tế học vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Dân	NXB Tài Chính	2010
110.	Bài tập nguyên lý kinh tế vĩ mô	PGS.TS. Nguyễn Văn Công	NXB Lao Động	2010
111.	Giáo trình Pháp luật kinh tế	TS. Nguyễn Hợp Toàn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2012
112.	Các văn bản pháp luật liên quan gồm: Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Doanh nghiệp năm 2014; Luật ngân sách Nhà nước 2015, Luật Hợp tác xã 2012, Luật Đầu tư 2014; Luật Phá sản 2014, Pháp lệnh Trọng tài thương mại 2010, Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật thuế, Luật Chứng khoán.			
113.	Giáo trình Lý thuyết thống kê và phân tích dữ báo	TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính	2008
114.	Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dữ báo	TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm	NXB Tài Chính	2008



<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
		Thị Kim Vân		
115.	Giáo trình quy hoạch tuyến tính	TS. Võ Tấn Dũng	NXB Thống kê	2007
116.	Toán kinh tế	PGS Bùi Minh Trí	NXB Bách Khoa Hà Nội	2008
117.	Bài giảng Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong	NXB Thống kê Hà Nội	2013
118.	Marketing căn bản	GS.TS.Trần Minh Đạo	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010
119.	Giáo trình Marketing căn bản	Học viên công nghệ bưu chính viễn thông	NXB Thông tin và truyền thông	2009
120.	Soạn thảo văn bản trong Microsoft Office Word 2003	Trần Hải Long, Nguyễn Mai Hương	NXB Hồng Đức	2008
121.	Giáo trình Tin học văn Phòng	Bùi Thế Tâm	NXB Giao thông vận tải	2008
122.	Bảo hiểm	PGS.TS. Đặng Văn Dần	NXB Tài Chính	2016
123.	Kinh tế bảo hiểm	TS. Phạm Thị Định	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2015
124.	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	TS. Trịnh Quốc Trung	NXB Lao động - Xã hội	2012
125.	Giáo trình Thương mại điện tử căn bản	TS. Trần Văn Hòe	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2007
126.	Thương mại điện tử hiện đại	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải	NXB Tài chính	2015
127.	Giáo trình Quản Trị Học	TS.Đoàn Thị Thu Hà, TS. Nguyễn Thị Ngọc Huyền	NXB Giao Thông Vận Tải	2012
128.	Giáo trình Quản trị học	Nguyễn Hải Sản	NXB Thống Kê	2013
129.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC	Bộ Tài chính		

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
	ban hành ngày 22/12/2014			
130.	Bài tập và bài giải Nguyên lý kế toán	Nguyễn Hải Hà	NXB khoa học và kỹ thuật	2014
131.	Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Phạm Quang Trung	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
132.	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	PGS.TS. Nguyễn Đình Kiệm, TS. Bách Đức Hiền	NXB Tài chính	2013
133.	Lập thẩm định và quản trị dự án đầu tư	Phạm Xuân Giang	NXB Tài chính	2010
134.	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	Vũ Công Tuấn	NXB Thống kê	2010
135.	Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh	PGS.TS. Phạm Văn Dược	NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh	2014
136.	Bài tập, bài giải Phân tích hoạt động kinh doanh	PGS.TS. Phạm Văn Dược	NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	2014
137.	“Bài tập và lời giải kế toán doanh nghiệp”	Nguyễn Thị Dung	NXB Khoa học và kỹ thuật	2015
138.	Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2014	Bộ Tài chính		
139.	Giáo trình Quản lý chất lượng	TS. Ngô Phúc Hạnh	NXB Khoa học Kỹ thuật	2011
140.	Quản trị Marketing	Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
141.	Quản trị Marketing	Lê Thế Giới, Nguyễn Xuân Lân, Võ Quang Trí, Đình Thị Lệ Trâm, Phạm Ngọc Ái	NXB Tài Chính	2011
142.	Quản trị nguồn nhân lực	TS. Bùi Văn Danh	NXB Phương	2011

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
			Đông	
143.	Giáo trình quản trị nhân lực	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Quân	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
144.	Giáo trình Quản trị kinh doanh tập 1	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013
145.	Giáo trình Quản trị tác nghiệp	TS Nguyễn Thành Hiếu, Nguyễn Đình Trung	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2010
146.	Giáo trình Quản trị nhân lực (Lý thuyết cơ bản và nâng cao)	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
147.	Giáo trình Quản trị kinh doanh	GS.TS. Nguyễn Thành Độ, PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2007
148.	Giáo trình Quản trị doanh nghiệp	PGS.TS. Lê Văn Tâm, PGS.TS. Ngô Kim Thanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2008
149.	Chiến lược và sách lược kinh doanh	Garry D.Smith; Danny R. Anold; Bobby R. Bzzell	NXB Thống kê	2012
150.	Bài tập quản trị chiến lược	Ngô Kinh Thanh	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012
151.	Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp	TS. Trần Đức Lộc, TS. Trần Văn Phùng	NXB Tài chính	2008
152.	Bài tập Quản trị sản xuất và tác nghiệp	TS. Trần Đức Lộc	NXB Tài chính	2009
153.	Quản trị bán hàng	Trần Thị Thập	Nhà xuất bản thông tin và truyền thông	2012
154.	Quản trị bán hàng hiện đại	Lưu Đan Thọ, Nguyễn Vũ Quân	Nhà xuất bản tài chính	2016
155.	Quản trị thương hiệu	TS. Phạm Thị	Nhà xuất	2014

<b>STT</b>	<b>Tên giáo trình, tập bài giảng</b>	<b>Tên tác giả</b>	<b>Nhà xuất bản</b>	<b>Năm xuất bản</b>
		Lan Hương	bản tài chính	
156.	Giáo trình thương hiệu với nhà quản lý	Trường Đại học Thương mại		2013
157.	Giáo trình Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	TS.Hoàng Văn Quỳnh	NXB Tài chính	2013
158.	Giáo trình Phân tích và đầu tư chứng khoán	PGS.TS. Nguyễn Đăng Nam, TS. Hoàng Văn Quỳnh	NXB Tài chính	2013
159.	Giáo trình Thị trường chứng khoán và đầu tư chứng khoán	TS.Hoàng Văn Quỳnh	NXB Tài chính	2013
160.	Giáo trình Kinh tế môi trường	Nguyễn Đức Lợi	NXB Tài chính	2013
161.	Kinh tế Môi trường	Đoàn Thị Lan Phương	NXB Thông tin và truyền thông	2011
162.	Giáo trình Tính chi phí kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2009
163.	Giáo trình kỹ thuật soạn thảo văn bản kinh tế và quản trị doanh nghiệp	Th.S Lương Văn Úc	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2011
164.	Thông tư số 01/2011/TT-BNV, ban hành ngày 19/01/2011, Hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính	Bộ Nội vụ		
165.	Thống kê doanh nghiệp	TS. Chu Văn Tuấn	NXB Tài Chính	2010
166.	Phương pháp thống kê trong phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ	TS. Phạm Thị Kim Vân	NXB Tài Chính	2009
167.	Giáo trình Thương mại quốc tế	TS. Trần Văn Hòe, TS. Nguyễn Văn Tuấn	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2014
168.	Nghiệp vụ thư ký văn phòng	TPGS. TS. Nguyễn Hữu Tri	NXB Khoa học và Kỹ	2006

STT	Tên giáo trình, tập bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
			thuật	
169.	Bài giảng Văn hóa kinh doanh	PSG. TS. Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2006
170.	Giáo trình Văn hóa kinh doanh	PSG. TS. Dương Thị Liễu	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2011
171.	Luật thuế			2013
172.	Thuế	PGS.TS Phan Thị Cúc, TS Phan Hiền Minh, Th.s. Nguyễn Thị Mỹ Linh, Ths. Đoàn Văn Đính, Ths. Võ Văn Hợp	NXB Tài chính	2009

## 14. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 14.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Trong quá trình đào tạo sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, Nhà trường thường xuyên kết hợp tổ chức các hoạt động ngoại khoá như: văn hoá, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại,... để phát triển và nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên.

- Để giúp sinh viên có nhận thức đầy đủ về ngành Quản trị kinh doanh; đồng thời rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường, Khoa và Nhà trường tổ chức cho sinh viên khoá mới nhập học và sinh viên năm thứ 3, thứ 4 đi thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại một số doanh nghiệp trong nước liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh.

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá như sau:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các quy chế, nội quy của Nhà trường. - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm.
2	Hoạt động văn hóa,	Cá nhân,	Tổ chức vào dịp kỷ	- Phát triển, nâng

<b>Số TT</b>	<b>Hoạt động ngoại khóa</b>	<b>Hình thức</b>	<b>Thời gian</b>	<b>Mục tiêu</b>
	văn nghệ, thể thao, dã ngoại	nhóm thực hiện hoặc tập thể	niệm các ngày lễ lớn trong năm như: Khai giảng năm học mới; ngày thành lập Đảng, Đoàn, Hội; ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11; các sự kiện lớn của đất nước, địa phương,...	cao kỹ năng mềm, khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu ngành, yêu trường, yêu quê hương, đất nước.
3	Thăm quan phòng truyền thống của Nhà trường	Tập trung	Tổ chức vào dịp nghỉ hè và những ngày nghỉ trong tuần	Giúp sinh viên hiểu được lịch sử phát triển Nhà trường; cơ cấu tổ chức, các phòng, khoa, trung tâm trong Trường, từ đó có nhận thức đầy đủ về mái trường theo học.
4	Thăm quan trải nghiệm, học tập, thực tập tại doanh nghiệp	Tập trung	Tổ chức trong tuần sinh hoạt công dân đầu khoá học. Sinh viên năm thứ 3 hoặc thứ 4	- Nhận thức đầy đủ về ngành theo học. Tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. - Rèn luyện khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. - Vận dụng được kiến thức chuyên môn để lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các hoạt động trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.
5	Hoạt động thư viện (ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Bổ sung, cập nhật các kiến thức chuyên môn sâu liên quan đến ngành

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
	nghiên cứu và tham khảo tài liệu)			Quản trị kinh doanh. Tìm kiếm thêm thông tin của ngành trên Internet.

#### 14.2. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc học phần

Thời gian tổ chức thi kết thúc học phần từ 40 phút đến 60 phút đối với thi trắc nghiệm khách quan; từ 30 ÷ 45 phút/sinh viên đối với hình thức thi vấn đáp; từ 90 phút đến 120 phút đối với hình thức thi tự luận; từ 120 phút đến 180 phút đối với hình thức thi thực hành, đánh giá năng lực thực hiện. Đối với các học phần đánh giá kỹ năng nghe, đọc thì thời gian làm bài tối thiểu là 45 phút.

#### 14.3. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

- Sinh viên phải học hết chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh và phải tích lũy đủ số tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

- Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả tích lũy của sinh viên để quyết định cho sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và tổ chức xét công nhận tốt nghiệp theo quy định.

#### 14.4. Các chú ý khác

Trên cơ sở số lượng các học phần trong chương trình đào tạo, Khoa và phòng Đào tạo xây dựng kế hoạch tiến độ đào tạo của năm học, khóa học và triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng, hàng kỳ đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo./.

HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Nhượng